

Hồng Gai, ngày 18 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH **THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025 - 2026**

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy định số 31/VL-QĐđi ngày 25 tháng 8 năm 2025 của trường TH, THCS và THPT Văn Lang Quy định về thực hiện công khai trong nhà trường;

Trường TH, THCS và THPT Văn Lang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác công khai năm học 2025 - 2026 như sau:

A. MỤC ĐÍCH

- Minh bạch các thông tin có liên quan của nhà trường để Hội đồng trường, Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của nhà trường.

- Góp phần phát huy tính dân chủ, nâng cao năng lực và trách nhiệm giải trình của nhà trường.

B. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

I. Thông tin chung về nhà trường

1. Tên trường: Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Văn Lang.
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của nhà trường (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ: Phố Văn Lang, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh.

- E-mail: c3vanlang.quangninh@moet.edu.vn

c123vanlang@quangninh.edu.vn

- Website: <https://www.vanlangschool.edu.vn/>

- Fanpage: <https://www.facebook.com/clbthongtintruyenthongVanLang>

3. Loại hình, chủ sở hữu của nhà trường

- Loại hình: Tư thực.

- Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- Sứ mạng: Văn Lang nuôi dưỡng trí tuệ và nhân cách, đồng hành cùng thế hệ trẻ trên hành trình trưởng thành. Nhà trường kiến tạo môi trường học tập hạnh phúc, kỷ cương và sáng tạo, góp phần đào tạo công dân trách nhiệm, giàu khát vọng dựng xây quê hương, đất nước.

- Tầm nhìn: Văn Lang phấn đấu trở thành ngôi trường hạnh phúc, đổi mới và sáng tạo hàng đầu tỉnh Quảng Ninh. Nơi đây, học sinh được phát triển toàn diện về năng lực, phẩm chất và nuôi dưỡng khát vọng vươn tầm tương lai.

- Mục tiêu đến năm 2030: (1) Xây dựng nhà trường trở thành môi trường giáo dục hạnh phúc, nơi mỗi học sinh được tôn trọng, yêu thương và phát triển toàn diện. (2) Phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh, giúp các em tự tin hội nhập và thích ứng với sự thay đổi của xã hội hiện đại. (3) Giữ vững vị thế là một trong những cơ sở giáo dục hàng đầu của tỉnh Quảng Ninh, tiên phong trong đổi mới và sáng tạo. (4) Góp phần đào tạo thế hệ công dân có tri thức, bản lĩnh, trách nhiệm và khát vọng, sẵn sàng cống hiến cho quê hương và đất nước.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

- Thành lập theo Quyết định ngày 04/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh.
- Năm học đầu tiên (2005-2006) có 12 lớp với 511 học sinh.
- Năm học 2024-2025 là năm học thứ 20, quy mô 62 lớp với 2368 học sinh.
- Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn đứng ở thứ hạng cao trong toàn tỉnh.
- Nhà trường có nhiều năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cấp Tỉnh; Cờ Thi đua của Chính phủ và UBND tỉnh; Huân chương Lao động hạng Ba.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Hà Thị Hương Giang
- Chức vụ: Chánh Văn phòng nhà trường
- Số điện thoại: 0934365456
- Gmail: hathihuonggiang.c3vanlang@quangninh.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập;
- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;
- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

- Họ và tên: Hoàng Thị Kim Khánh
- Chức vụ: Hiệu trưởng nhà trường
- Số điện thoại: 0904.735.678
- Gmail: hoangthikimkhanh.c3vanlang@quangninh.edu.vn
- Nơi làm việc: Trường TH, THCS và THPT Văn Lang.

8. Các văn bản khác: Chiến lược phát triển; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: *Nguồn kinh phí* (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và *loại hoạt động* (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: *Chi tiền lương và thu nhập* (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); *chi cơ sở vật chất và dịch vụ* (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); *chi hỗ trợ người học* (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); *chi khác*.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

III. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo thời (số liệu đầu năm học 2024 – 2025):

- Tổng số QL, GV, NV: 143 (05 BGH, 102 GV, 06 VP, 30 NV. Cụ thể:

BGH	Toán tin	KHTN	NV	KHXXH	Ng ngữ	TMN	TH123	TH45
05	13	11	12	09	15+1	12	18	11
TS 5	TS 2, ĐH 11	TS 5, ĐH 6	TS 2 ĐH 10	TS 4, ĐH 5	TS 7 ĐH 9	TS 3, ĐH 9	TS 0, ĐH 17 CĐ 01	TS 2, ĐH 9

- Đội ngũ nhân viên: 36

Tổ Văn phòng	Tổ Phục vụ
6 (CVP 1, KT 1, YT 1, TV 1; VT 2)	30 (TT 1, BT 1, BeT 1, NẤ 16, VS 7, BV4)
ThS 2, ĐH 3, TrC 1	ĐH 0; CD 01, TrC 06, SC 12, LDPT 11

* Đánh giá:

- Đảm bảo về cơ cấu vị trí việc làm:

+ Chuyên môn: 05 BGH, 01 CVP; 10 TT, 05 TP, 23 nhóm trưởng.

+ Đảng, Đoàn thể: 01 BTĐB + 02 PBT, 01 CTCĐ + 01 PCT, 01 BT ĐTN + 02 PBT, 01 Tổng PTĐ.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100% đạt chuẩn.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100% hoàn thành.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường (9988m²), điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường giai đoạn 2016 - 2021; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

IV. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025 - 2026

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường năm học 2025 – 2026

- Đối tượng tuyển sinh: Tuyển sinh trong toàn tỉnh, đảm bảo độ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với từng lớp.

Lớp 1: Các bé đã hoàn thành chương trình Mầm non.

Lớp 6: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

Lớp 10: Học sinh đã hoàn thành chương trình THCS.

Các lớp giữa cấp học: Học sinh hoàn thành chương trình học kì I của lớp học theo năm học hiện tại hoặc lớp liền trước tại thời điểm xin dự tuyển.

- Chỉ tiêu:

Lớp 1: Tối đa 06 lớp, trong đó 03 lớp Tiếng Anh tăng cường (tối đa 32 HS/lớp) và 03 lớp Chất lượng cao (tối đa 38 HS/lớp).

Lớp 6: Tối đa 04 lớp, trong đó 02 lớp Tiếng Anh tăng cường (tối đa 38 HS/lớp) và 02 lớp Chuẩn Quốc gia (tối đa 44 HS/lớp).

Lớp 10: Tối đa 07 lớp, trong đó 02 lớp Tiếng Anh tăng cường (tối đa 40 HS/lớp) và 05 Chuẩn quốc gia (tối đa 44 HS/lớp).

Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể năm học 2025 – 2026 được UBND tỉnh và UBND thành phố Hạ Long quyết định.

- Phương thức tuyển sinh:

Lớp 1, 6 và các lớp giữa cấp học: kiểm tra đầu vào.

Lớp 10: xét tuyển.

- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan:

Các lớp đầu cấp học (lớp 1, lớp 6, lớp 10): Thực hiện trong tháng 6, 7 và hoàn thành trong tháng 8 hằng năm.

Các lớp giữa cấp học: Thực hiện vào tháng 7 hằng năm và ngay khi kết thúc học kì I mỗi năm học (hoàn thành quá trình tuyển sinh chậm nhất trong 15 ngày đầu HKII).

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường (Kế hoạch bán trú, y tế, an toàn trường học, xe buýt, và các KH tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao...);

đ) Thực đơn hằng tháng của học sinh.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024 – 2025 (*biểu cụ thể đã thực hiện công khai*)

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

C. CÁCH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

a) Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do nhà trường thực hiện tính đến tháng 6 hằng năm;

- Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường bố trí nội dung công khai trên cổng thông tin điện tử nhà trường bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin (Mục Giới thiệu – Công khai – Bảng danh mục các nội dung công khai và file đính kèm).

b) Phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm học (đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025; kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 với các nội dung về cơ sở vật chất, đội ngũ, nhiệm vụ và giải pháp; các nội dung thu -chi)

c) Công khai tại bản tin nhà trường (Danh sách dự tuyển sinh; Kết quả tuyển sinh...), và các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

a) Thời điểm công khai của nhà trường

- Công bố công khai các nội dung theo quy định tại Phần C kế hoạch này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

- Thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử của nhà trường về dự kiến thực đơn hàng tháng của học sinh trước ngày 30 tháng trước.

- Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

b) Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

c) Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định, nhà trường phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm chung, ra quyết định thành lập BCD công tác công khai; Chỉ đạo thực hiện công tác công khai trong nhà trường đảm bảo đúng quy định theo Thông tư 09/TT-BGDĐT; Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

2. Các Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Chánh Văn phòng: Thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo, Ban tổ chức theo Quyết định số 60/QĐ – VL của Hiệu trưởng ngày 25/8/2025. Thực hiện thu thập thông tin, đảm bảo thời gian hoàn tất báo cáo, công khai theo các nội dung được phân công cụ thể:

Đ/c Huệ - PHT: Chịu trách nhiệm về nội dung mục III - Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông (ý 3 - Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục).

Đ/c Hạnh - PHT: Chịu trách nhiệm về nội dung mục IV - Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông cấp THPT.

Đ/c Nghiêm - PHT: Chịu trách nhiệm về nội dung mục III (ý 2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung); nội dung mục IV - Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông cấp THCS.

Đ/c Huyền - PHT: Chịu trách nhiệm về nội dung mục II - Thu, chi tài chính và nội dung mục IV - Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

Đ/c Hường - Chủ tịch Công đoàn: Chịu trách nhiệm về nội dung mục III - Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông (ý 1 - Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên).

Đ/c Giang - Chánh VP: Chịu trách nhiệm về nội dung mục I - Thông tin chung về cơ sở giáo dục; báo cáo thường niên của nhà trường và biên bản niêm yết công khai. Chịu trách nhiệm công khai danh mục các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Trên đây là kế hoạch của trường TH, THCS và THPT Văn Lang tổ chức triển khai thực hiện công tác công khai năm học 2025 - 2026 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh nhà trường sẽ có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- HĐT (b/c);
- BGH (t/h);
- Đoàn thể, VP, Tổ CM, Tổ PV (t/h);
- Đăng phần mềm quản lý và website;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Kim Khánh